

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TỈNH BẮC GIANG
phúc

Độc lập – Tự do – Hạnh

Bản số: 21/2023/HNGS-ST
Ngày 06-4-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

***Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Thân Văn Nhân

2. Bà Dương Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Tống Ngọc N, sinh năm 1976 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Sơn Quang, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Mai Vũ, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09/9/2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Tống Ngọc N trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 22/10/2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Sơn, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Sơn Quang, xã Trung Sơn. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm. Đến cuối năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có

tiếng nói chung, chị L hay chơi bời không chịu làm ăn dẫn đến nợ nhiều, chị L có quan hệ với nhiều người đàn ông khác nên hai vợ chồng hay cãi vã nhau, chị L nợ nhiều nên nhiều năm nay anh phải đứng ra trả nợ thay cho chị L rất nhiều lần. Mâu thuẫn của vợ chồng gia đình hai bên đều biết và khuyên giải nhưng chị L không cải thiện, vẫn chứng nào tật đấy, không quan tâm gì đến chồng con. Từ năm 2017 hai vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không chung sống cùng nhau và không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Tổng Thu Phương, sinh ngày 05/7/2003 và Tổng Như Quỳnh, sinh ngày 05/7/2003. Hiện hai con chung đang do anh nuôi dưỡng từ nhỏ. Ly hôn hai con chung đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Ruộng canh tác; Công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh Tổng Ngọc N có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc xin ly hôn với chị L, về con chung, tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Nguyễn Thị L có trình bày:*

Chị và anh Tổng Ngọc N kết hôn ngày 22/10/2002, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Sơn, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Sơn Quang, xã Trung Sơn. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2011-2012 vợ chồng chị có bất đồng quan điểm sống vì chị bị đi tạm giam về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vợ chồng có nói nhau hàng ngày theo chị là bình thường. Đến năm 2022 khi chồng nộp đơn khởi kiện thì vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Từ hai tháng gần đây chồng chị làm đơn ly hôn chị tức nên hai vợ chồng không quan hệ, ly thân nhau. Chồng chị vẫn quan tâm đến chị chuyển tiền cho chị trả nợ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên anh N có đơn xin ly hôn thì chị không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Tổng Thu Phương, sinh ngày 05/7/2003 và Tổng Như Quỳnh, sinh ngày 05/7/2003. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng có xưởng ô tô, vật tư máy móc và xe máy, có 02 sào đất canh tác mua lại đất của em chồng 40 triệu ở thôn Sơn Quang. Tòa án đã giải thích cho chị có quyền làm đơn yêu cầu giải quyết chia tài sản chung trong vụ án này. Nếu chị có yêu cầu thì chị sẽ nộp đơn cho Tòa án, nếu chị không nộp đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị L vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn anh N chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn chị L chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Tống Ngọc N được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

+ Về con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh N, chị L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

+ Anh Tống Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp ly hôn giữa anh N và chị L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị L có nơi cư trú: Thôn Mai Vũ, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Tống Ngọc N, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Tống Ngọc N và chị Nguyễn Thị L xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Sơn, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét

thấy anh N và chị L sau khi về chung sống với nhau ban đầu hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh N khai nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hợp nhau, hay cãi vã nhau, vợ chồng anh đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với chị L. Tại biên bản lấy lời khai chị L xác định từ năm 2011- 2012 vợ chồng chị có bắt đầu quan điểm sống, vợ chồng có nói nhau hàng ngày, từ hai tháng gần đây chồng chị làm đơn ly hôn chị tức nên hai vợ chồng không quan hệ, ly thân nhau, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh N có đơn xin ly hôn thì chị không đồng ý.

Qua xác minh ở địa phương cũng thể hiện chị L đã bỏ về nhà bố mẹ ở, chị L và anh N hiện không ở với nhau. Chị L trình bày tại biên bản lấy lời khai xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn của anh N, chị L đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không cải thiện. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Anh N và chị L đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Tống Thu Phương, sinh ngày 05/7/2003 và Tống Như Quỳnh, sinh ngày 05/7/2003, hiện 02 con chung đã trưởng thành, anh N và chị L không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh N, chị L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Tống Ngọc N được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

[2] Về con chung: Anh N, chị L xác định 02 con chung hiện đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh N, chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Anh Tống Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006719 ngày 26/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận anh Tống Ngọc N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Trung Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân